

Số: 23/2018/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 23 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ một số nội dung Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị cai nghiện ma túy, người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 97/TTr-LĐTBXH ngày 23/7/2018 về việc bãi bỏ một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và Báo cáo thẩm định số 120/BC-STP ngày 18/7/2018 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Phần I, Phần II, Phần III Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị cai nghiện ma túy, người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09/11/2018. Các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành

hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và xã hội, Tài chính, Công an tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh; Webservice tỉnh;
- Lưu VP1, VP6, VP7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lê Đoàn
Trần Lê Đoàn

QUY ĐỊNH

**Quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp
xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23/2018/QĐ-UBND
ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Nam Định)*

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối tượng áp dụng.

2.1. Các cơ quan, đơn vị, các địa phương sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

2.2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính;

2.3. Người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính;

3. Kinh phí thực hiện.

3.1. Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc cho các đối tượng quy định tại Phần II và Phần III tại Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

3.2. Kinh phí đảm bảo chi hoạt động thường xuyên, chi đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

3.3. Về bố trí dự toán của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện

- Kinh phí lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, kinh phí tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đối tượng vào cơ sở xã hội, tổ chức xã hội, cơ sở đa chức năng (sau đây gọi chung là cơ sở xã hội) hoặc từ cơ sở xã hội sang cơ sở bảo trợ xã hội (nếu có) quy định tại khoản 1 và khoản 3 Phần II Quy định này và kinh phí truy tìm người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định bỏ trốn trong thời gian lập hồ sơ lưu trú tạm thời tại cơ sở xã hội quy định tại khoản 4 Phần II Quy định này bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan công an cấp huyện;

Riêng đối với kinh phí vận chuyển người nghiện ma túy trong trường hợp khó xác định tình trạng nghiện ma túy phải vận chuyển người nghiện ma túy chuyển tuyến để xác định tình trạng nghiện ma túy quy định tại khoản 3 Phần II

Quy định này bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan được giao nhiệm vụ vận chuyển;

- Kinh phí quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định tại cơ sở xã hội trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 2 Phần II Quy định này được thực hiện như sau:

- + Đối với các cơ sở công lập được bố trí trong dự toán của cơ sở theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

- + Đối với các cơ sở ngoài công lập được bố trí trong dự toán của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Kinh phí thực hiện kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung chi quy định tại điểm a khoản 1 Phần II Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Phòng Tư pháp cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đối chiếu hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung chi quy định tại điểm a khoản 1 Phần II Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đưa người nghiện ma túy quy định tại khoản 3 Phần II Quy định này và kinh phí truy tìm người nghiện ma túy đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 4 Phần II Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan công an cấp huyện;

- Kinh phí truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 4 Phần II Quy định này và các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Phần III Quy định này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

4. Lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí: Việc lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

II. NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ: Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi xác định tình trạng nghiện ma túy: Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

c) Chi công tác phí cho cán bộ xác minh nơi cư trú, bàn giao người vi phạm; xác minh, thu thập tài liệu để lập hồ sơ đề nghị hoặc thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định mức chi công tác phí, chi phí hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Chi quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định tại cơ sở xã hội trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2.1. Chi hỗ trợ trực tiếp cho người của cơ sở xã hội được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy:

- Đối với phụ trách đơn vị điều trị cắt cơn là y, bác sỹ chuyên khoa tâm thần hoặc đa khoa có chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh và có chứng chỉ tập huấn về điều trị cắt cơn nghiện ma túy; y, bác sỹ điều trị: 130.000 đồng/người/ngày;

- Đối với điều dưỡng viên, bảo vệ: 90.000 đồng/người/ngày.

2.2. Chi hỗ trợ cho người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lưu trú tại cơ sở xã hội:

- Tiền ăn 40.000đồng/người/ngày, tối đa không quá 30 ngày phải làm thủ tục đưa đối tượng vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trả về nơi cư trú;

- Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/người/tháng;

- Tiền thuốc cắt cơn, giải độc (nếu có chỉ định của bác sỹ): Hỗ trợ một lần tối đa không quá 550.000 đồng/người/lần;

- Quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết cấp một lần (chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân): 430.000 đồng/người;

- Tiền vệ sinh phụ nữ: 30.000 đồng/người/tháng;

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng;

- Tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác đối với người bị nhiễm HIV/AIDS: 120.000 đồng/người/tháng.

3. Chi tiêu tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người không có nơi cư trú ổn định vào cơ sở xã hội; đưa người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đưa người không bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ cơ sở xã hội sang cơ sở bảo trợ xã hội (nếu có); đưa người cần xác định nghiện ma túy chuyển tuyến để xác định tình trạng nghiện ma túy: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông, áp dụng tại địa phương;

Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê.

4. Chi truy tìm người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định bỏ trốn trong thời gian lập hồ sơ lưu trú tạm thời tại cơ sở xã hội; truy tìm người nghiện ma túy đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Chi cho người được giao nhiệm vụ truy tìm đối tượng bỏ trốn.

- Chi chế độ công tác phí: Nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND. Ngoài ra, trong những ngày truy tìm đối tượng bỏ trốn được bồi dưỡng thêm: 100.000đồng/ngày.

- Chi chế độ làm đêm, thêm giờ theo Thông tư 08/2005/TTLT-BNV-BTC.

b) Hỗ trợ cho người nghiện ma túy trong những ngày đi trên đường để đưa vào cơ sở xã hội, cơ sở cai nghiện bắt buộc kể từ ngày tìm được.

- Tiền ăn: 40.000đồng/người/ngày.

- Tiền thuê phòng nghỉ (nếu có) theo mức quy định tại Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND.

III. CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO HỌC VIÊN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC:

1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe.

a) Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại cơ sở quản lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội, thuốc chữa bệnh thông thường: 650.000đồng/người/lần.

c) Chi phí điều trị đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của Trung tâm thì được chuyển tới cơ sở Y tế hoặc đưa về gia đình để chữa trị, chăm sóc: Chi phí điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do bản thân học viên hoặc gia đình học viên tự thanh toán.

- Trường hợp học viên có bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng: Thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

- Trường hợp học viên là thân nhân của người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo: Mức hỗ trợ bằng mức quỹ bảo hiểm Y tế chi trả cho đối tượng tương ứng.

- Trường hợp học viên không thuộc các đối tượng trên nhưng không còn thân nhân: Mức hỗ trợ bằng mức quỹ bảo hiểm Y tế chi trả cho đối tượng thuộc hộ nghèo.

2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.

- Mua chăn, màn, chiếu, quần áo dài, quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải đánh răng, mũ cứng, áo mưa ni lông, mũ vải, găng tay: 450.000 đồng/người/năm.

- Thuốc đánh răng, dầu gội đầu, xà phòng tắm, xà phòng giặt: 50.000 đồng/người/quý;

- Tiền vệ sinh cá nhân (đối với học viên nữ): 30.000đồng/người/tháng.

3. Tiền ăn.

- Định mức ăn ngày thường, quy giá trị bằng tiền: 32.000 đồng/người/ngày; Ngày lễ, Tết dương lịch học viên được ăn thêm gấp 02 lần tiêu chuẩn ngày thường, các ngày Tết nguyên đán học viên được ăn thêm gấp 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Chế độ ăn với học viên bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của cán bộ y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

4. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/năm.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

6. Tiền học nghề (đối với trường hợp học viên chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng): 2.000.000 đồng/người/lần;

Không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ 2 trở lên và đã được học nghề.

7. Tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác (đối với trường hợp học viên bị nhiễm HIV/AIDS): 120.000 đồng/người/tháng.

8. Chế độ lao động.

a) Tiền công đối với học viên lao động tự nguyện: Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.

b) Tiền thưởng cho học viên tham gia lao động trị liệu, lao động tự nguyện có thành tích xuất sắc: Mức chi tối đa 2.000.000đồng/lần/người. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tiêu chí, số lượng người có thành tích xuất sắc phù hợp với kết quả lao động của học viên. Kết quả lao động của học viên là phần chênh lệch thu lớn hơn chi từ hoạt động tổ chức lao động của học viên.

9. Chi phí mai táng, trung cầu giám định pháp y đối với trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm:

- Chi phí mai táng (đối với học viên chết tại Trung tâm mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ): 5.000.000 đồng/người.

- Tiền trung cầu giám định pháp y để xác nhận nguyên nhân chết của đối tượng (nếu cần thiết): Theo quy định hiện hành của nhà nước.

10. Tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe.

a) Học viên là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe như sau:

- Tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày, trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày.

- Tiền tàu xe: Theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

b) Học viên không thuộc đối tượng tại điểm a khoản này sau khi chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội. Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển.

11. Các nội dung khác .

Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm:

- Thuê chuyên gia tư vấn cho học viên về chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, kỹ năng sống, tái hòa nhập với cộng đồng, về phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác (nếu có).

- Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên.

- Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phối hợp với Sở Tài chính lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện hàng năm trình UBND tỉnh quyết định. Định kỳ tổng hợp kết quả tại các địa phương, đơn vị, báo cáo UBND tỉnh; hướng dẫn Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và các địa phương thực hiện, quản lý sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

2. Sở Tài chính.

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện và quyết toán kinh phí theo quy định;

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra thực hiện tình hình chế độ đối với người nghiện ma túy đang lưu trú tạm thời trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính;

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành lập hồ sơ đưa đối tượng vào chữa bệnh, cai nghiện bắt buộc tại trung tâm theo quy định tại Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013, Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ và Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh Nam Định;

4. Trung tâm điều trị nghiện ma túy tỉnh Nam Định.

- Hàng năm, cùng thời gian quy định lập dự toán ngân sách nhà nước; căn cứ tình hình đối tượng lưu trú tạm thời tại Trung tâm trong thời gian lập hồ sơ và đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính, lập dự toán kinh phí, báo cáo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, để tổng hợp gửi sở Tài chính, trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Thực hiện chế độ đối với học viên cai nghiện bắt buộc theo quy định;

- Định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, cuối năm báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lê Đoàn
Trần Lê Đoàn